| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HÒN ĐẤT**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **99**/2018/DS-ST .
Ngày 26/11/2018.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thanh Thảo.**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Vũ Việt Hoài.**

2. Ông **Trần Văn Phước.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2018/TLST-DS, ngày 15/8/2018 về vụ *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2018/QĐXXST-DS, ngày 01/11/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 114/2018/QĐST-DS ngày 15/11/2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần KL** (Ngân hàng TMCP KL); Địa chỉ: Số 40, 42, 44, đường Ph H Th, phường V Th V, thành phố R G, tỉnh KG.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Văn Ch**. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Bùi Anh D**, sinh năm: 1958. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP KL - Phòng giao dịch HĐ.

* Bị đơn: Ông **Lê Văn Ph**, sinh năm 1964 và bà **Vũ Thị L**, sinh năm 1965. Cùng địa chỉ: Ấp K B, xã S K, huyện H Đ, tỉnh K G.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Lê Văn Th**, sinh năm: 1986 và chị **Lê Thị Th**, sinh năm: 1984 (anh Th, chị Th là con của ông Ph, bà L). Cùng địa chỉ: Ấp K B, xã S K, huyện H Đ, tỉnh K G.

*(Ông D có mặt tại phiên tòa.*

*Ông Ph, bà L, chị Th vắng mặt tại phiên tòa. Anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt ).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:* Ngày 25/05/2012 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần KL với ông Lê Văn Ph và bà Vũ Thị L đã ký hợp đồng tín dụng số QH0896/HĐTD với nội dung như sau: Ngân hàng cho ông Ph, bà L vay số tiền 150.000.000 đồng. Mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp. Thời hạn vay 13 tháng, ngày đến hạn 25/06/2013. Lãi suất vay 1,75%/tháng. Lãi cho vay được điều chỉnh 06 tháng/ lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng. Lãi suất phạt quá hạn: (=) 150%/LSV. Hình thức thanh toán lãi 06tháng/lần và vốn vay được trả vào ngày đến hạn.

Tài sản thế chấp dùng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng:

1/ Hợp đồng thế chấp số: QH0896 vào ngày 25/05/2012 ông Ph, bà L thế chấp 01 QSD đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại: Ấp Kiên Bình, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang diện tích 690m$^2$ thuộc tờ bản đồ số 01, thửa đất số 47b, 47d. Theo giấy chứng nhận QSD đất số V859846 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 07/5/2003 đã được điều chỉnh biến động cho ông Lê Văn Ph ngày 16/03/2010.

2/ Hợp đồng thế chấp số: QH0896 vào ngày 25/05/2012 anh Th thế chấp 01 QSD đất tọa lạc tại: Ấp Kiên Bình, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang diện tích 15.435m$^2$ thuộc tờ bản đồ số 03a, thửa đất số 5. Theo giấy chứng nhận QSD đất số AB407480 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 12/4/2012 do ông Lê Văn Th đứng tên.

Các QSD đất nói trên đã được đăng ký giao dịch tài sản đảm bảo ngày 28/05/2012 tại Văn phòng đăng ký đất đai - Phòng Tài nguyên môi trường huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo đúng quy định của pháp luật.

Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 150.000.000 đồng cho ông Ph và bà L.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Ph, bà L đã vi phạm nghĩa vụ đóng lãi và không trả nợ gốc khi đến hạn thanh toán cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần và tạo điều kiện cho ông Ph, bà L trả nợ nhưng ông Ph, bà L vẫn không trả.

Tạm tính đến ngày 07/02/2018 thì ông Ph, bà L còn nợ Ngân hàng tổng cộng 466.309.152 đồng (Trong đó, nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 35.876.100 đồng, nợ lãi quá hạn là 216.604.500 đồng và phạt chậm trả lãi là 63.828.552 đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Ph, bà L phải trả toàn bộ số nợ là 466.309.152 đồng và ông Ph, bà L còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 07/02/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên. Trường hợp sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nếu ông Ph, bà L không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP K L có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Hòn Đất kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp đã nêu trên để thu hồi nợ.

** Bị đơn ông Lê Văn Ph và bà Vũ Thị L; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Th:* Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Ph, bà L và chị Th không đến Tòa án nên không có lời khai.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn Th trình bày:* Ngày 25/05/2012 gia đình anh có vay của Ngân hàng TMCP K L số tiền 150.000.000 đồng. Anh có thế chấp tài sản là 01 QSD đất tọa lạc tại: Ấp Kiên Bình, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang diện tích 15.435m$^2$ thuộc tờ bản đồ số 03a, thửa đất số 5. Theo giấy chứng nhận QSD đất số AB407480 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 12/4/2012 do ông Lê Văn Th đứng tên. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Ph, bà L trả số nợ nêu trên thì anh xin được trả dần vì hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn. Trường hợp, ông Ph, bà L không trả được nợ thì anh đồng ý cho Ngân hàng phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ngoài ra, anh xin được xét xử vắng mặt

*Tại phiên tòa:* Ông Bùi Anh D rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền phạt lãi chậm trả là 63.828.552 đồng. Ông yêu cầu ông Ph, bà Lcó trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng tổng cộng 402.480.600 đồng tạm tính đến ngày 07/02/2018 (Trong đó, nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 35.876.100 đồng, nợ lãi quá hạn là 216.604.500 đồng) và ông Ph, bà L còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 07/02/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên. Trường hợp sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nếu ông Ph, bà Lkhông trả được nợ thì Ngân hàng TMCP KL có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Hòn Đất kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp đã nêu trên để thu hồi nợ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL, Hội đồng xét xử xét thấy theo hợp đồng tín dụng số QH0896/HĐTD ngày 25/05/2012 thì ông Lê Văn Ph và bà Vũ Thị L có vay của Ngân hàng TMCP KL số tiền 150.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Văn Ph và bà Vũ Thị L đã vi phạm nghĩa vụ đóng lãi và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng khi đến hạn. Tạm tính đến ngày 07/02/2018 thì ông Lê Văn Ph và bà Vũ Thị L còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 466.309.152 đồng (Trong đó, nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 35.876.100 đồng, nợ lãi quá hạn là 216.604.500 đồng và phạt chậm trả lãi là 63.828.552 đồng). Tại phiên tòa, ông D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền phạt chậm trả lãi là 63.828.552 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy:

- Về nợ gốc: Theo hợp đồng tín dụng số số QH0896/HĐTD ngày 25/05/2012 thì ông Lê Văn Ph và bà Vũ Thị L có vay của Ngân hàng TMCP KL số tiền 150.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP KL đã giải ngân số tiền vay 150.000.000đ cho ông Ph, bà L. Đến hạn trả nợ thì ông Ph, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Ph, bà L và chị Th nhưng ông Ph, bà L và chị Th không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập nên căn cứ vào khoản 1, 2 và 4 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Do đó, Ngân hàng TMCP KL yêu cầu ông Ph, bà L trả nợ gốc là 150.000.000đ là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 474 Bộ Luật dân sự 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Ph, bà L phải trả cho Ngân hàng TMCP KL số nợ gốc là 150.000.000 đồng.

Về lãi suất: Tại phiên tòa ông D là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng KL yêu cầu ông Ph, bà L phải trả cho Ngân hàng tiền nợ lãi tổng cộng 252.480.600 đồng (Trong đó, lãi trong hạn là 35.876.100 đồng, nợ lãi quá hạn là 216.604.500 đồng) và ông Ph, bà L còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 07/02/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên. HĐXX xét thấy, căn cứ theo Điều 476 Bộ Luật Dân sự năm 2005 thì

yêu cầu này là phù hợp nên HĐXX chấp nhận. Buộc ông ph, bà L phải trả cho Ngân hàng tiền lãi tổng cộng 252.480.600 đồng và ông Ph, bà L còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 07/02/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên.

Đối với việc người đại diện của Ngân hàng KL xin rút lại 01 phần yêu cầu đối với tiền phạt lãi chậm trả với số tiền là 63.828.552 đồng. HĐXX xét thấy yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Đối với tài sản thế chấp theo 02 hợp đồng thế chấp số QH0896 vào ngày 25/05/2012. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thế chấp các tài sản nêu trên giữa ông Ph, bà L và anh Th với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện và các tài sản thế chấp đã đăng ký theo quy định tại các Điều 342, 343 Bộ Luật Dân sự 2005 là đúng quy định. Do đó, nếu ông ph, bà L không tự nguyện thanh toán nợ cho Ngân hàng thì cần duy trì 02 hợp đồng thế chấp số QH0896 vào ngày 25/05/2012 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với yêu cầu xin trả nợ dần của anh Th thì anh Th không phải là người vay nợ và phía người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng không đồng ý. Xét thấy, yêu cầu này của anh Th không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

Buộc ông Lê Văn Ph, bà Vũ Thị L phải chịu án phí là 20.099.000 đồng.

Ngân hàng TMCP K L không phải chịu án phí.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 471, 474 Bộ Luật dân sự 2005 và Điều 688 Bộ Luật dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K L.

Buộc ông Lê Văn Ph và bà Vũ Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP KL số tiền tổng cộng 402.480.600 đồng (Trong đó, gốc 150.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 07/02/2018 là 252.480.600 đồng) và buộc ông Ph, bà L còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 07/02//2018 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên.

Khi ông Lê Văn Ph và bà Vũ Thị L trả xong nợ thì Ngân hàng TMCP K L có trách nhiệm trả lại cho ông Ph, bà L 01 QSD đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại: Ấp Kiên Bình, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang diện tích 690m$^2$ thuộc tờ bản đồ số 01, thửa đất số 47b, 47d. Theo giấy chứng nhận QSD đất số V859846 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 07/5/2003 đã được điều chỉnh biến động cho ông Lê Văn Ph ngày 16/03/2010 theo gợp đồng thế chấp số: QH0896 vào ngày 25/05/2012.

Trả lại cho anh Lê Văn Th: 01 QSD đất tọa lạc tại: Ấp Kiên Bình, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang diện tích 15.435m$^2$ thuộc tờ bản đồ số 03a, thửa đất số 5. Theo giấy chứng nhận QSD đất số AB407480 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 12/4/2012 do ông Lê Văn Th đứng tên theo hợp đồng thế chấp số: QH0896 vào ngày 25/05/2012.

Trường hợp ông Ph, bà L không tự nguyện thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng TMCP K L thì Ngân hàng TMCP KL có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp theo 02 hợp đồng thế chấp số QH0896 vào ngày 25/05/2012 để thu hồi nợ.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K L : Đối với yêu cầu tiền phạt chậm trã lãi với số tiền là 63.828.552 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

Buộc ông Lê Văn Ph, bà Vũ Thị L phải chịu án phí là 20.099.000 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP K L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.660.000 đồng theo lai thu số 0006923 ngày 6/8/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[4] Quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP K L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ph, bà L, anh Th và chị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS;
- Đương sự;
- Lưu.

**Lê Thị Thanh Thảo**